



Member of IAF MLA/ APAC MRA

CHỨNG CHỈ CÔNG NHẬN *Certificate of Accreditation*

**CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN VINACONTROL
HẢI PHÒNG**

VINACONTROL GROUP CORPORATION – HAIPHONG BRANCH

Địa chỉ/ Location

80 Phạm Minh Đức, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng/
80 Pham Minh Duc Street, May To Ward, Ngo Quyen District, Hai Phong City.

Mã số/ Accreditation No.

VICAS 046 - PRO

**Được công nhận có đủ năng lực tiến hành đánh giá và chứng nhận sản phẩm phù hợp
theo yêu cầu của tiêu chuẩn**

*is accredited to operate audit and certification of Product. The Accredited
Certification Body meets the requirements of*

ISO/IEC 17065: 2012

PHẠM VI ĐƯỢC CÔNG NHẬN

Scope of Accreditation

Theo phụ lục kèm theo quyết định số 94.2021/QĐ-VPCNCL ngày 26/02/2021.

*As in the accreditation schedule accompanied with accreditation decision
No 94.2021/QĐ-VPCNCL dated 26th Febuary, 2021.*

**GIÁM ĐỐC
VĂN PHÒNG CÔNG NHẬN CHẤT LƯỢNG
(Director of Bureau of Accreditation)**



Ngày/ Date of Issue: 26/02/2021.

Hiệu lực công nhận/ Period of Validation: up to 26/02/2024.

Hiệu lực lần đầu/ Beginning of Accreditation: 12/02/2015.

VŨ XUÂN THỦY

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
VĂN PHÒNG
CÔNG NHẬN CHẤT LƯỢNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 94.2021/QĐ-VPCNCL

Hà Nội, ngày 26 tháng 02 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận tổ chức chứng nhận hệ thống chứng nhận sản phẩm

**GIÁM ĐỐC
VĂN PHÒNG CÔNG NHẬN CHẤT LƯỢNG**

- Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 30 tháng 6 năm 2006;
- Căn cứ Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ về việc qui định chi tiết thi hành một số điều của Luật tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật;
- Căn cứ Quyết định số 2058/QĐ-BKHCN ngày 23 tháng 07 năm 2018 về việc ban hành Điều lệ Tổ chức và Hoạt động Văn phòng Công nhận Chất lượng;
- Theo đề nghị của Đoàn chuyên gia đánh giá và Ban thẩm xét.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Công nhận tổ chức chứng nhận:

CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN VINACONTROL HẢI PHÒNG

Có Hệ thống Chứng nhận sản phẩm (Product Certification System) phù hợp theo ISO/IEC 17065:2012 với phạm vi công nhận trong phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 2: Tổ chức Chứng nhận được mang số hiệu: **VICAS 046 - PRO.**

Điều 3: Tổ chức Chứng nhận được công nhận ở Điều 1 phải tuân thủ đầy đủ các yêu cầu về công nhận theo quy định hiện hành.

Điều 4: Quyết định này có hiệu lực đến ngày 26 tháng 02 năm 2024 và Tổ chức Chứng nhận sẽ chịu sự giám sát định kỳ mỗi năm một lần. ✓

Nơi nhận: ✓

- Cơ sở được đánh giá;
- HS đánh giá;
- Lưu VT.



**GIÁM ĐỐC
VŨ XUÂN THỦY**



HỆ THỐNG CÔNG NHẬN TỔ CHỨC CHỨNG NHẬN VIỆT NAM
VIETNAM CERTIFICATION ACCREDITATION SCHEME

--- VICAS ---

Văn phòng Công nhận Chất lượng/ Bureau of Accreditation
70 Tran Hung Dao, Hanoi; Tel: (+84 24) 7911552; Fax: (+84 24) 7911551; <http://www.boa.gov.vn>

PHỤ LỤC CÔNG NHẬN
ACCREDITATION SCHEDULE

(Kèm theo quyết định số: 94.2021/QĐ-VPCNCL ngày 26 tháng 02 năm 2021
của Giám đốc Văn phòng Công nhận Chất lượng)

TÊN TỔ CHỨC CHỨNG NHẬN/ Organisation

Tiếng Việt/ in Vietnamese: Chi nhánh Công ty cổ phần Tập đoàn Vinacontrol Hải Phòng

Tiếng Anh/ in English: Vinacontrol Group Corporation – Haiphong branch

SỐ HIỆU CÔNG NHẬN/ Accreditation Number: VICAS 046 – PRO

ĐỊA CHỈ ĐƯỢC CÔNG NHẬN/ Location Covered by Accreditation

Trụ sở chính/ Head office:

80 Phạm Minh Đức, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

Tel: +84 225 3760454

Fax: +84 225 3760103

CHUẨN MỰC CÔNG NHẬN/ Accreditation Standards

ISO/IEC 17065:2012

Đánh giá sự phù hợp – Yêu cầu đối với tổ chức chứng nhận sản phẩm, quá trình, dịch vụ/ *Conformity assessment – Requirements for bodies certifying products, processes and services.*

NGÀY BAN HÀNH/ Issue date

Ngày 26 tháng 02 năm 2021

Dated 26th February, 2021



HỆ THỐNG CÔNG NHẬN TỔ CHỨC CHỨNG NHẬN VIỆT NAM

VIETNAM CERTIFICATION ACCREDITATION SCHEME

--- VICAS ---

Văn phòng Công nhận Chất lượng/ Bureau of Accreditation
70 Tran Hung Dao, Hanoi; Tel: (+84 24) 7911552; Fax: (+84 24) 7911551; <http://www.boa.gov.vn>

PHẠM VI ĐƯỢC CÔNG NHẬN/ Scope of Accreditation

Chứng nhận sản phẩm theo phương thức 1b, 5 theo ISO/IEC 17067:2013 (tương ứng với phương thức 7, 5 theo thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ) cho các sản phẩm sau/ Product certification in accordance with certification scheme type 1b, 5 of ISO/IEC 17067:2013 (equivalents to certification scheme type 7, 5 of Circular 28/2012/TT-BKHCN dated 12 December, 2012 of Ministry of Science and Technology) for the following products:

Nhóm sản phẩm thức ăn chăn nuôi/ Animal feed

TT No	Tên sản phẩm Product name	Tiêu chuẩn chứng nhận Standard	Thủ tục chứng nhận Certification procedure	Phương thức chứng nhận Type of certification scheme
1	Thức ăn hỗn hợp cho gia súc, gia cầm Compound feeds for livestock	QCVN 01-183:2016/ BNNPTNT	KT-QTĐG03-CT	7
2	Thức ăn chăn nuôi và nguyên liệu sản xuất thức ăn thủy sản Animal feed and ingredients in aquaculture feed	QCVN 01-190:2020/ BNNPTNT		7

Nhóm sản phẩm hóa chất/ Chemical products

TT No	Tên sản phẩm Product name	Tiêu chuẩn chứng nhận Standard	Thủ tục chứng nhận Certification procedure	Phương thức chứng nhận Type of certification scheme
1	Khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG) Liquefied petroleum gas (LPG)	QCVN 8:2019/ BKHCN	KT-QTĐG02-CT	7
2	Phân bón Fertilizer	84/2019/NĐ-CP QCVN 01-189:2019/ BNNPTNT	KT-QTĐG01-CT	7

Nhóm sản phẩm điện, điện tử/ Electrical and electronic products

TT No	Tên sản phẩm Product name	Tiêu chuẩn chứng nhận Standard	Thủ tục chứng nhận Certification procedure	Phương thức chứng nhận Type of certification scheme
1	Thiết bị điện và điện tử Electrical and electronic appliances	QCVN 4:2009/ BKHCN Sửa đổi 1:2016 QCVN 4:2009/BKHCN	KT-QTĐG13-CT	7



HỆ THỐNG CÔNG NHẬN TỔ CHỨC CHỨNG NHẬN VIỆT NAM
VIETNAM CERTIFICATION ACCREDITATION SCHEME

--- VICAS ---

Văn phòng Công nhận Chất lượng/ Bureau of Accreditation
70 Tran Hung Dao, Hanoi; Tel: (+84 24) 7911552; Fax: (+84 24) 7911551; <http://www.boa.gov.vn>

Nhóm sản phẩm vật liệu kim loại/ Basic metal products

TT No	Tên sản phẩm Name of product	Tiêu chuẩn chứng nhận Standard	Thủ tục chứng nhận Certification procedure	Phương thức chứng nhận Type of certification scheme
1	Thép Steels	58/2015/TTLT-BCT- BKHCN	KT-QTĐG04-CT	7
2	Thép làm cốt bê tông Steel for the reinforcement of concrete	QCVN 7:2019/ BKHCN	KT-QTĐG10-CT	7
3	Thép không gỉ Stainless steel	QCVN 20:2019/ BKHCN	KT-QTĐG08-CT	7

Nhóm sản phẩm dệt may/ Textile and garment products

TT/ No	Tên sản phẩm/ Product name	Tiêu chuẩn chứng nhận Standard	Thủ tục chứng nhận Certification procedure	Phương thức chứng nhận Type of certification scheme
1	Sản phẩm dệt may Textile products	QCVN 01:2017/BCT	KT-QTĐG14-CT	7
			KT-QTĐG15-CT	5

Phụ lục này có hiệu lực tới ngày 26 tháng 02 năm 2024

This Accreditation Schedule is effective until 26th February, 2024